



**VIETNAM CHEMICAL ENGINEERING**  
**Safety - Effect - Economy**

**VIET NAM CHEMICAL ENGINEERING CO., LTD**

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**

**ATHC 004 : 2019 / VCE**

**ALSOCLEANER S**

Tp. HCM, ngày ... tháng ... năm ...  
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP  
(Ký phê duyệt, ban hành/đóng dấu)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## MỤC I: THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

### Sản phẩm:

Tên sản phẩm: **ALSOCLEANER S**

Tên thường gọi: Chế phẩm vệ sinh đa năng

P/N: **VCE-040002**

### Nhà sản xuất:

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT HÓA HỌC VIỆT NAM**

**VIET NAM CHEMICAL ENGINEERING CO.,LTD**

Địa chỉ: 80k Đường số 49, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM, Việt Nam

Liên hệ:

Điện thoại: +84 28 2253 0613

Fax: +84 28 2253 0631

Web: [www.vcewater.com](http://www.vcewater.com)

Email: [info@vcewater.vn](mailto:info@vcewater.vn)

### Mục đích sử dụng:

Mục đích chung sử dụng để vệ sinh thụ động và chống ăn mòn trong các hệ thống đường ống nước công nghiệp.

## MỤC 2: NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

### Mức xếp loại nguy hiểm

Tính chất sản phẩm: hỗn hợp

Phân loại theo hệ thống hài hòa toàn cầu GHS:

Kích ứng da – loại 2 [H315]

Kích ứng mắt – loại 2A [H319]

### Cảnh báo nguy hiểm



Ký hiệu nguy hiểm:

Từ ngữ ký hiệu: Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm:

H302 - Có hại nếu nuốt phải.

H315 - Gây kích ứng da

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Cảnh báo phòng ngừa:

P264 - Rửa kỹ tay hoặc các vùng da tiếp xúc với sản phẩm kỹ lưỡng sau khi sử dụng.

P280 - Sử dụng găng tay và kính bảo hộ.

P261 - Tránh hít phải sương và hơi phun

P302 + P352 - Nếu rơi vào da: Rửa bằng kỹ bằng xà phòng và nước.

P321 - Xử lý đặc biệt: Tìm hiểu chăm sóc y tế; tham khảo mục 4 của SDS này.

P332 + P313 - Nếu xảy ra kích ứng da: tìm các khuyến cáo chăm sóc y tế.

P362 - Cởi bỏ quần áo bị dính hóa chất và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

P305 + P351 + P338 - Nếu hóa chất rơi vào mắt: thận trọng rửa mắt ngay bằng nước sạch. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng



**MỤC 3: THÀNH PHẦN HÓA HỌC**

| Thành phần                     | CAS       | Tỉ lệ (%) |
|--------------------------------|-----------|-----------|
| Potassium hydroxide            | 1310-58-3 | 5-8       |
| Hydroxyethylidenediphosphonate |           | 5-7       |
| Methylene phosphonate          |           | 5-10      |

Không có thành phần bổ sung và với nồng độ sử dụng, theo kiến thức hiện tại của nhà sản xuất, được phân loại là nguy hiểm đến sức khỏe hoặc môi trường được yêu cầu báo cáo trong phần này.

**MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

- Thận trọng rửa mắt ngay bằng nước sạch. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút trong khi giữ cho mí mắt hở. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các chăm sóc tiếp theo.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

- Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Rửa bộ phận bị dính bằng nước sạch (và xà phòng nếu có thể).

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở)

- Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo. Giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm)

- Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sĩ. Không kích ứng gây nôn. Nếu nạn nhân nôn ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào.

**MỤC 5: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HOẢ HOẠN**

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

- Đặt tính cháy của hóa chất: không cháy.

- Nhiệt độ tự bốc cháy: không áp dụng.

Xếp loại về tính cháy: Không cháy.

2. Các mối nguy hại cụ thể phát sinh từ hóa chất: Không nguy hại ở điều kiện bình thường.

3. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Không

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

- Nước, bột chống cháy, cacbon dioxit...

6. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

- Các trang phục bảo hộ cho da và mắt nên được trang bị.

**MỤC 6: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

Khi xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ, lưu ý đối với người lao động:

Ngay lập tức tạo ra khoảng cách an toàn xung quanh khu vực rò rỉ. Ngăn cấm người lao động đi vào khu vực rò rỉ ngoại trừ những người có trách nhiệm. Người xử lý cần mặc đồ bảo hộ phù hợp để ngăn chặn tình trạng lây nhiễm hoá chất vào da, mắt, quần áo. Đứng theo chiều gió.



## AN TOÀN HÓA CHẤT

ATHC 004 : 2019 / VCE

Nghiêm cấm việc chạm vào thùng chứa hoá chất rò rỉ khi không mặc quần áo trang bị bảo hộ. Hạn chế ảnh hưởng của hoá chất với môi trường bằng cách hạn chế cho hoá chất hoà tan theo dòng nước chảy ra sông, suối, đất, nguồn nước. Thu gom bằng cát, bột khô,... chứa trong các thùng chứa.

### MỤC 7: YÊU CẦU VỀ LƯU TRỮ

Sản phẩm này có một phạm vi lưu trữ nhiệt độ rộng (0° C đến 70 ° C).

Đậy kín khi không sử dụng.

Thời hạn sử dụng là 2 (hai) năm kể từ ngày sản xuất.

### MỤC 8: TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết: thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc.
  - Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
  - Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
  - Bảo vệ tay: găng tay an toàn hóa chất
  - Bảo vệ chân: giày bảo hộ, ủng cao su
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố
  - Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
  - Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
  - Bảo vệ tay: găng tay an toàn hóa chất
  - Bảo vệ chân: giày bảo hộ, ủng cao su
4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)
  - Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hóa chất
  - Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa gần khu vực làm việc

### MỤC 9: ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

|                    |   |                          |
|--------------------|---|--------------------------|
| Dạng               | : | Lỏng                     |
| Màu                | : | Trong suốt, vàng nâu nhẹ |
| Mùi                | : | Amoniac nhẹ              |
| Tỉ trọng           | : | 1.06 ± 0.02              |
| pH                 | : | Tính kiềm                |
| Nhiệt độ chớp cháy | : | Không phù hợp            |
| Áp suất hóa hơi    | : | Không phù hợp            |
| Độ tan trong nước  | : | Tan vô hạn               |

### MỤC 10: MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định: Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường.
2. Khả năng phản ứng: không
3. Các điều kiện cần tránh: chưa có thông tin
4. Các vật liệu không tương thích: axit mạnh.
5. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Được cho là không có vấn đề gì xảy ra trong điều kiện sử dụng bình thường.

### MỤC 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

**Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp:**

*potassium hydroxide (1310-58-3)*



|        |  |                       |
|--------|--|-----------------------|
| VN OEL | Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):       | 1 mg/m <sup>3</sup>   |
|        | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA): | 0.5 mg/m <sup>3</sup> |

**Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...):**

- Khả năng gây ung thư: Không được phân loại là chất gây ung thư cho người theo các tiêu chuẩn phân loại của IARC.

**Các ảnh hưởng độc khác**

- Rất nguy hiểm trong trường hợp uống phải.
- Kích ứng khi tiếp xúc với da và mắt.
- Chất lỏng hoặc phun sương có thể gây tổn thương nghiêm trọng mô niêm mạc mắt, miệng và đường hô hấp.

**MỤC 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Mức độ tích của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin

**MỤC 13: XEM XÉT XỬ LÝ CHẤT THẢI SAU SỬ DỤNG**

Phương pháp xử lý theo yêu cầu người sử dụng.

Sản phẩm chất thải sau sử dụng là muối và nước không độc hại.

**MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

Không có quy định liên quan đến vận chuyển.

**MỤC 15: QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

**1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới ( liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**

**2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**

**3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
- Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.
- Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

**MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC**

Ngày soạn: 15-1-2018

Phiếu an toàn sản phẩm được soạn thảo bởi Phòng Kỹ Thuật Công ty TNHH Kỹ Thuật Hóa Học Việt Nam

